ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 193 + 194)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 5: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 180/1 đến mốc số 314 thuộc các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 290

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 30 tháng 10 năm 2014	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 290 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1163542,50 470897,41	10 31 32,308 104 44 02,461	7,83 (4,99) Độ cao mặt đất (m) 2,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 289/3 đến cột mốc số 290 là 289°45'42,181", khoảng cách là 564,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290 đến cột mốc số 290/1 là 288°24'30,810", khoảng cách là 645,36m.	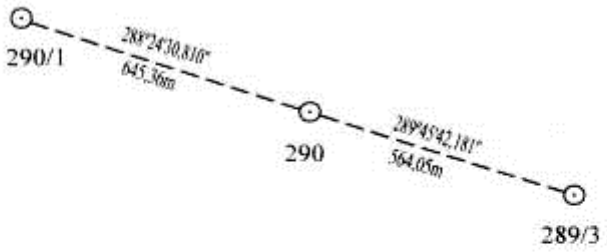		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 290/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 290/1 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1163746,30 470285,07	10 31 38,927 104 43 42,308	4,13 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290 đến cột mốc số 290/1 là 288°24'30,810", khoảng cách là 645,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/1 đến cột mốc số 290/2 là 288°58'26,868", khoảng cách là 618,65m.	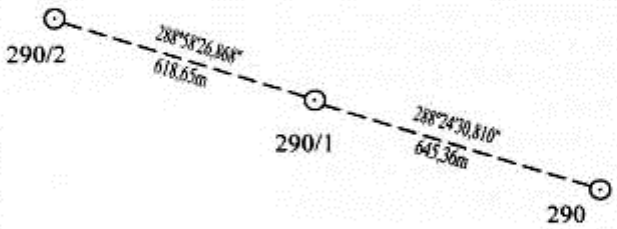		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 290/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 290/2 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1163947,45 469700,03	10 31 45,459 104 43 23,053	3,78 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,58
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/1 đến cột mốc số 290/2 là 288°58'26,868", khoảng cách là 618,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/2 đến cột mốc số 290/3 là 288°11'28,288", khoảng cách là 616,20m.	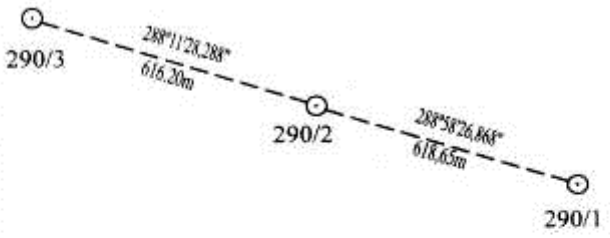		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 290/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 290/3 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1164139,82 469114,63	10 31 51,706 104 43 03,786	4,00 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,65
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/2 đến cột mốc số 290/3 là 288°11'28,288", khoảng cách là 616,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/3 đến cột mốc số 290/4 là 284°40'57,056", khoảng cách là 627,23m.	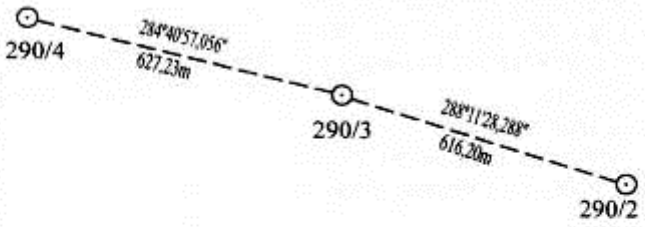		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 290/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 290/4 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1164298,80 468507,88	10 31 56,864 104 42 43,818	4,09 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,89
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/3 đến cột mốc số 290/4 là 284°40'57,056", khoảng cách là 627,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/4 đến cột mốc số 291 là 280°20'28,111", khoảng cách là 621,25m.	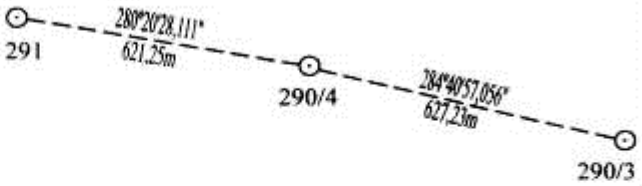		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 291

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 30 tháng 11 năm 2014

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 291 cắm trên bờ Bắc kênh 79.	1164410,32 467896,72	10 32 00,476 104 42 23,706	8,02 (5,12)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,90

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 290/4 đến cột mốc số 291 là 280°20'28,111", khoảng cách là 621,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 291 đến cột mốc số 292 là 290°43'12,895", khoảng cách là 1330,96m.	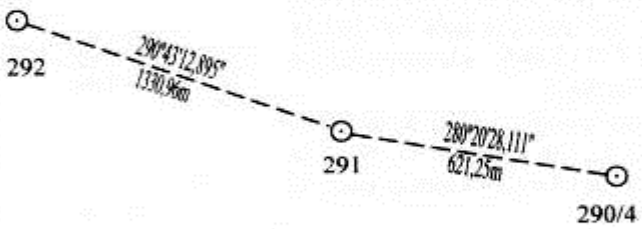

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 292

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 6 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 292 cắm trong ruộng.	1164881,22 466651,85	10 32 15,769 104 41 42,731	7,20 (4,40)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,80

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 291 đến cột mốc số 292 là 290°43'12,895", khoảng cách là 1330,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292 đến cột mốc số 292/1 là 272°46'10,672", khoảng cách là 678,80m.	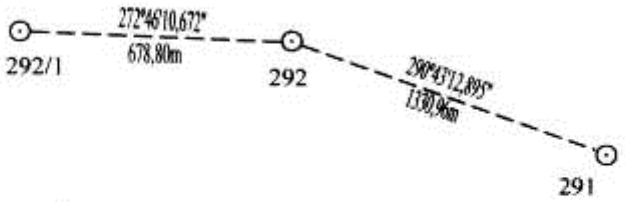

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 292/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 292/1 cắm trong ruộng.	1164914,02 465973,84	10 32 16,816 104 41 20,421	4,12 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292 đến cột mốc số 292/1 là 272°46'10,672", khoảng cách là 678,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292/1 đến cột mốc số 292/2 là 272°48'18,630", khoảng cách là 506,95m.	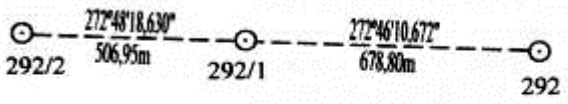		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 292/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 292/2 cắm trên bờ ruộng.	1164938,83 465467,50	10 32 17,607 104 41 03,760	3,83 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292/1 đến cột mốc số 292/2 là 272°48'18,630", khoảng cách là 506,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292/2 đến cột mốc số 293 là 272°48'43,090", khoảng cách là 523,05m.	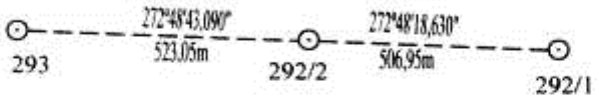		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 293

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 02 tháng 7 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 293 cắm trong ruộng.	1164964,49 464945,08	10 32 18,425 104 40 46,570	7,00 (4,39)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 292/2 đến cột mốc số 293 là 272°48'43,090", khoảng cách là 523,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293 đến cột mốc số 293/1 là 272°48'51,529", khoảng cách là 837,69m.	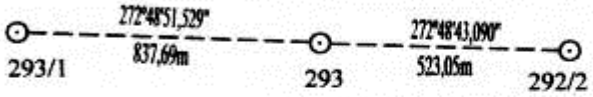		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 293/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 293/1 cắm trong ruộng	1165005,62 464108,40	10 32 19,736 104 40 19,039	3,73 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,38
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293 đến cột mốc số 293/1 là 272°48'51,529", khoảng cách là 837,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/1 đến cột mốc số 293/2 là 272°49'45,758", khoảng cách là 809,13m.	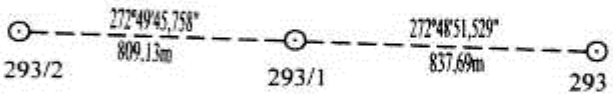		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 293/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 293/2 cắm trên bờ Nam kênh 79.	1165045,56 463300,26	10 32 21,009 104 39 52,447	4,53 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,33
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/1 đến cột mốc số 293/2 là 272°49'45,758", khoảng cách là 809,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/2 đến cột mốc số 293/3 là 272°47'15,354", khoảng cách là 395,45m.	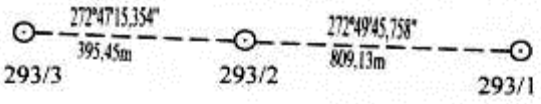		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 293/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 293/2 cắm trên bờ ruộng.	1165064,79 462905,28	10 32 21,621 104 39 39,451	2,95 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/2 đến cột mốc số 293/3 là 272°47'15,354", khoảng cách là 395,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/3 đến cột mốc số 294 là 272°49'00,202", khoảng cách là 438,49m.	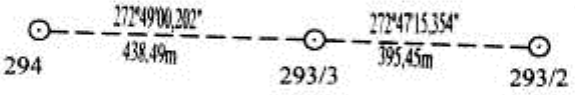		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 294

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 02 tháng 7 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 294 cắm trong ruộng.	1165086,34 462467,32	10 32 22,307 104 39 25,040	6,69 (4,41)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 293/3 đến cột mốc số 294 là 272°49'00,202", khoảng cách là 438,49m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294 đến cột mốc số 294/1 là 272°50'13,904", khoảng cách là 596,99m.	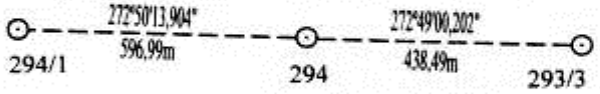		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 294/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 294/1 cắm trên bờ Đông rạch Dứa (prêch Doun Tây).	1165115,89 461871,06	10 32 23,248 104 39 05,420	3,69 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,34

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294 đến cột mốc số 294/1 là 272°50'13,904", khoảng cách là 596,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294/1 đến cột mốc số 295 là 272°49'37,698", khoảng cách là 512,74m.	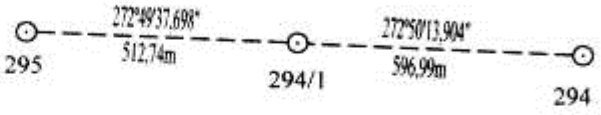

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 295

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 6 năm 2009

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 295 cắm trong ruộng.	1165141,18 461358,94	10 32 24,053 104 38 48,568	6,78 (4,52)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,26

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294/1 đến cột mốc số 295 là 272°49'37,698", khoảng cách là 512,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 295 đến cột mốc số ...là ..., khoảng cách là ... m.	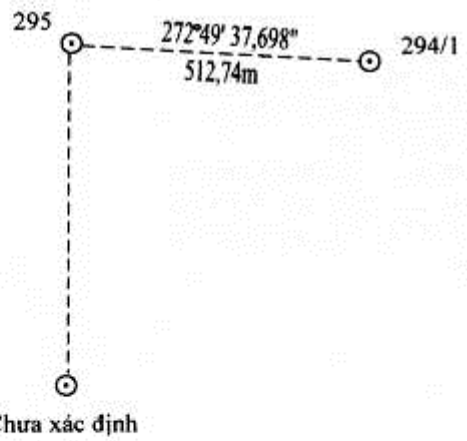

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 301

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 12 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 301 cắm tại cặp cửa khẩu Giang Thành - Ton Hon.	1164096,43 455477,68	10 31 49,805 104 35 35,101	7,05 (2,54)
			Độ cao mặt đất (m)
			4,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số ... đến cột mốc số 301 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301 đến cột mốc số 301/1 là 253°00'39,824", khoảng cách là 209,90m.	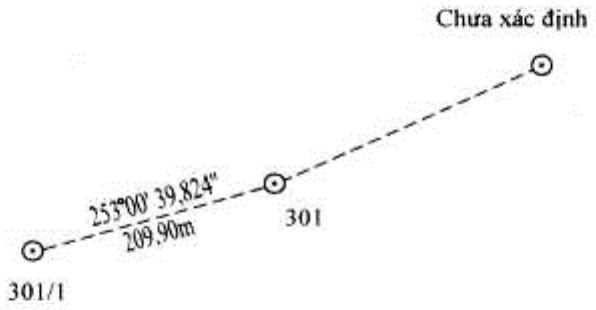		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 301/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 301/1 cắm giữa kênh 79.	1164035,10 455276,94	10 31 47,800 104 35 28,499	3,67 (1,53)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301 đến cột mốc số 301/1 là 253°00'39,824", khoảng cách là 209,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301/1 đến cột mốc số 301/2 là 244°34'35,325", khoảng cách là 169,48m.	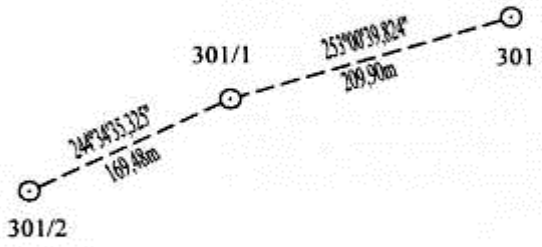		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 301/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 301/2 cắm giữa kênh 79.	1163962,34 455123,87	10 31 45,424 104 35 23,466	3,73 (1,70) Độ cao mặt đất (m) 2,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301/1 đến cột mốc số 301/2 là 244°34'35,325", khoảng cách là 169,48m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301/2 đến cột mốc số 302 là 231°26'10,084", khoảng cách là 199,59m.	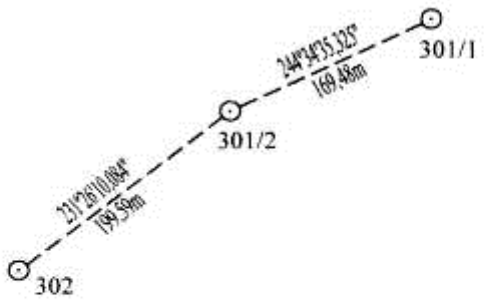		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 5 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302 cắm giữa kênh 79.	1163837,92 454967,81	10 31 41,366 104 35 18,337	6,49 (4,15)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 301/2 đến cột mốc số 302 là 231°26'10,084", khoảng cách là 199,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302 đến cột mốc số 302/1 là 224°02'43,800", khoảng cách là 98,90m.	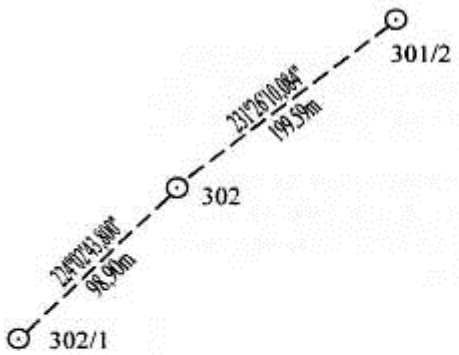		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/1 cắm giữa kênh 79.	1163766,83 454899,05	10 31 39,049 104 35 16,077	3,69 (2,52) Độ cao mặt đất (m) 1,17
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302 đến cột mốc số 302/1 là 224°02'43,800", khoảng cách là 98,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/1 đến cột mốc số 302/2 là 181°53'57,052", khoảng cách là 356,06m.	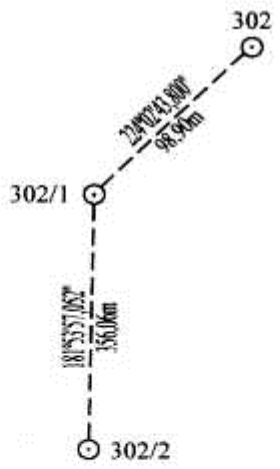		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/2 cắm giữa kênh 79.	1163410,97 454887,25	10 31 27,462 104 35 15,705	4,78 (2,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,58
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/1 đến cột mốc số 302/2 là 181°53'57,052", khoảng cách là 356,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/2 đến cột mốc số 302/3 là 183°50'34,144", khoảng cách là 468,07m.	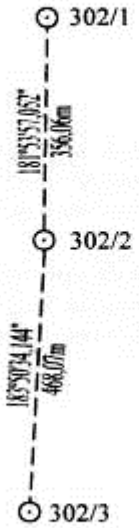		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/3 cắm giữa kênh 79.	1162943,95 454855,88	10 31 12,255 104 35 14,693	4,27 (2,45)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,82

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/2 đến cột mốc số 302/3 là 183°50'34,144", khoảng cách là 468,07m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/3 đến cột mốc số 302/4 là 173°38'18,722", khoảng cách là 318,23m.	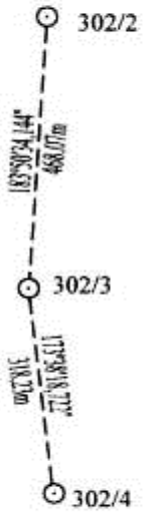

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/4 cắm giữa kênh 79 (cuối kênh).	1162627,68 454891,14	10 31 01,959 104 35 15,866	3,94 (1,94)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,00
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/3 đến cột mốc số 302/4 là 173°38'18,722", khoảng cách là 318,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/4 đến cột mốc số 302/5 là 184°19'29,240", khoảng cách là 583,21m.	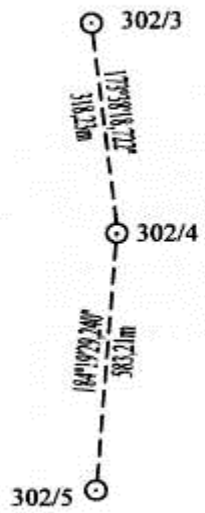		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/5 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1162046,13 454847,16	10 30 43,023 104 35 14,444	3,39 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/4 đến cột mốc số 302/5 là 184°19'29,240", khoảng cách là 583,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/5 đến cột mốc số 302/6 là 197°12'29,907", khoảng cách là 402,98m.	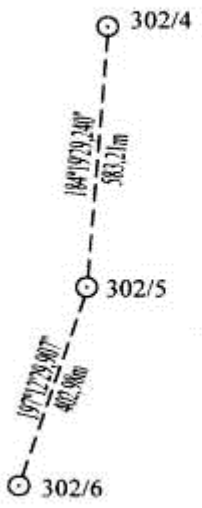		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/6 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1161661,19 454727,94	10 30 30,485 104 35 10,539	4,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/5 đến cột mốc số 302/6 là 197°12'29,907", khoảng cách là 402,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/6 đến cột mốc số 302/7 là 213°51'56,401", khoảng cách là 481,44m.	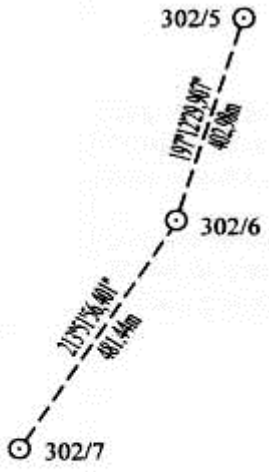		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 302/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 302/7 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1161261,43 454459,66	10 30 17,458 104 35 01,730	3,21 (1,80) Độ cao mặt đất (m) 1,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/6 đến cột mốc số 302/7 là 213°51'56,401", khoảng cách là 481,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/7 đến cột mốc số 303 là 235°12'23,765", khoảng cách là 385,44m.	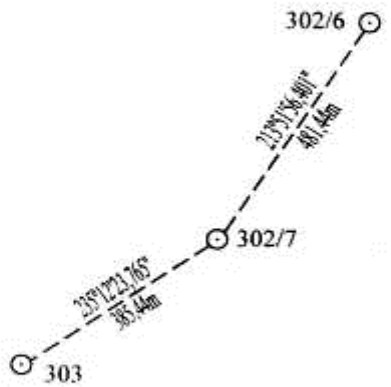		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 4 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1161041,49 454143,13	10 30 10,283 104 34 51,326	7,07 (4,53)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,54
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 302/7 đến cột mốc số 303 là 235°12'23,765", khoảng cách là 385,44m Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303 đến cột mốc số 303/1 là 246°58'59,293", khoảng cách là 473,60m.	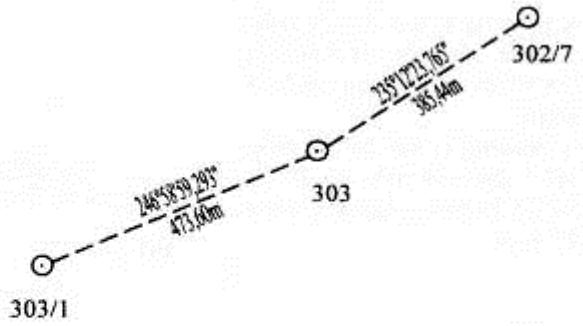		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/1 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160856,31 453707,23	10 30 04,235 104 34 36,994	3,65 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303 đến cột mốc số 303/1 là 246°58'59,293", khoảng cách là 473,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/1 đến cột mốc số 303/2 là 254°38'26,806", khoảng cách là 527,13m.	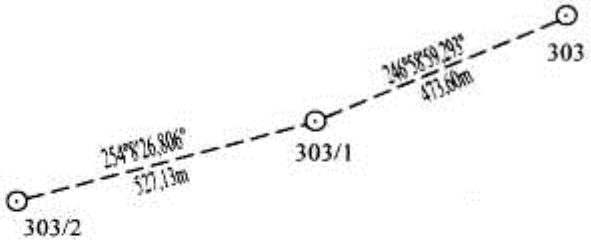		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/2 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160716,69 453198,93	10 29 59,667 104 34 20,277	3,73 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/1 đến cột mốc số 303/2 là 254°38'26,806", khoảng cách là 527,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/2 đến cột mốc số 303/3 là 242°02'51,096", khoảng cách là 398,22m.	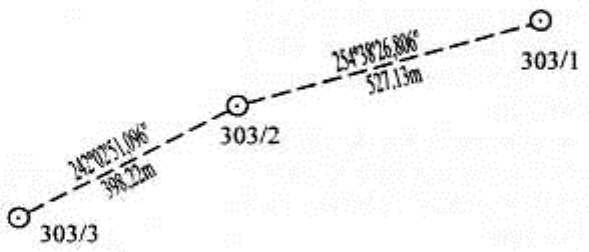		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/3 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160530,03 452847,17	10 29 53,574 104 34 08,713	3,94 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,59
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/2 đến cột mốc số 303/3 là 242°02'51,096", khoảng cách là 398,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/3 đến cột mốc số 303/4 là 233°18'18,624", khoảng cách là 314,18m.	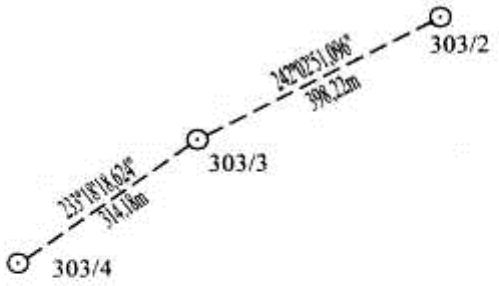		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/4 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160342,29 452595,25	10 29 47,450 104 34 00,434	3,74 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,54
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/3 đến cột mốc số 303/4 là 233°18'18,624", khoảng cách là 314,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/4 đến cột mốc số 303/5 là 236°38'43,329", khoảng cách là 300,35m.	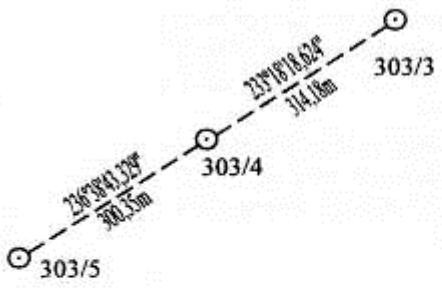		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/5 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160177,15 452344,37	10 29 42,062 104 33 52,188	3,55 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 2,20
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/4 đến cột mốc số 303/5 là 236°38'43,329", khoảng cách là 300,35m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/5 đến cột mốc số 303/6 là 251°32'17,978", khoảng cách là 359,33m.	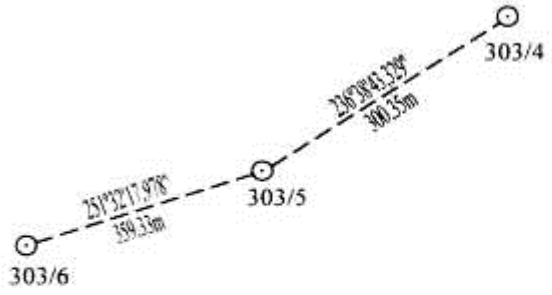		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 303/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 303/6 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1160063,36 452003,53	10 29 38,341 104 33 40,980	3,10 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,90

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/5 đến cột mốc số 303/6 là 251°32'17,978", khoảng cách là 359,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/6 đến cột mốc số 304 là 237°02'05,017", khoảng cách là 201,28m.	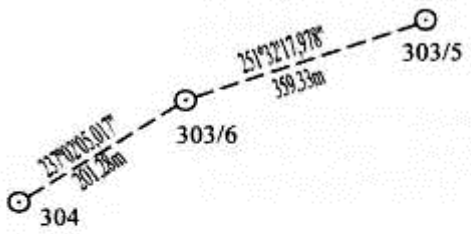

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 4 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1159953,84 451834,66	10 29 34,768 104 33 35,430	6,51 (4,48)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 303/6 đến cột mốc số 304 là 237°02'05,017", khoảng cách là 201,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304 đến cột mốc số 304/1 là 201°29'47,413", khoảng cách là 58,97m.	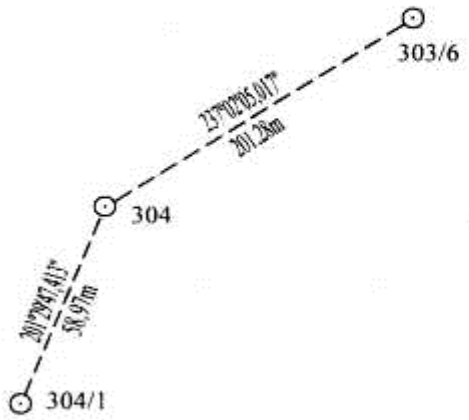		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/1 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1159898,97 451813,05	10 29 32,981 104 33 34,721	3,09 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,74
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304 đến cột mốc số 304/1 là 201°29'47,413", khoảng cách là 58,97m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/1 đến cột mốc số 304/2 là 175°22'42,848", khoảng cách là 271,68m.	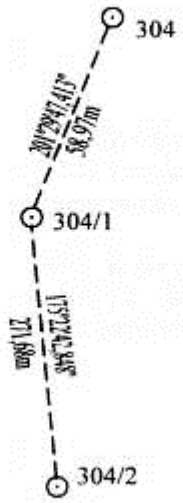		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/2 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1159628,17 451834,94	10 29 24,165 104 33 35,454	3,48 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,28

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/1 đến cột mốc số 304/2 là 175°22'42,848", khoảng cách là 271,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/2 đến cột mốc số 304/3 là 182°56'16,500", khoảng cách là 300,86m.	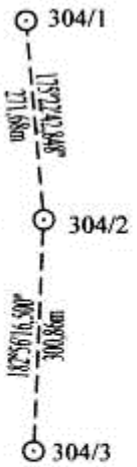

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/3 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1159327,71 451819,52	10 29 14,381 104 33 34,961	3,12 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/2 đến cột mốc số 304/3 là 182°56'16,500", khoảng cách là 300.86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/3 đến cột mốc số 304/4 là 183°41'00,963", khoảng cách là 386,17m.	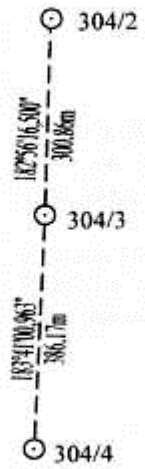		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/4 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1158942,34 451794,71	10 29 01,833 104 33 34,162	3,16 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/3 đến cột mốc số 304/4 là 183°41'00,963", khoảng cách là 386,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/4 đến cột mốc số 304/5 là 185°06'09,048", khoảng cách là 556,46m.	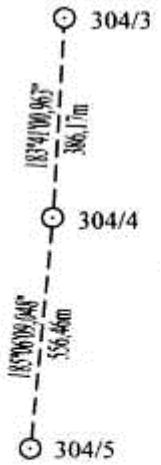		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/5 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1158388,09 451745,22	10 28 43,786 104 33 32,559	2,94 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,59
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/4 đến cột mốc số 304/5 là 185°06'09,048", khoảng cách là 556,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/5 đến cột mốc số 304/6 là 186°45'06,388", khoảng cách là 665,66m.	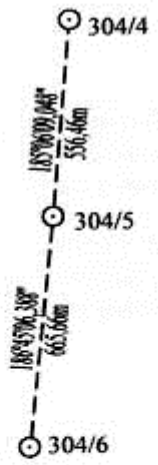		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/6 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1157727,05 451666,96	10 28 22,259 104 33 30,015	3,29 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,09
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/5 đến cột mốc số 304/6 là 186°45'06,388", khoảng cách là 665,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/6 đến cột mốc số 304/7 là 199°40'59,480", khoảng cách là 791,43m.	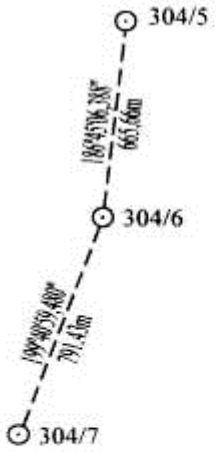		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/7 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1156981,86 451400,39	10 27 57,985 104 33 21,281	3,41 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/6 đến cột mốc số 304/7 là 199°40'59,480", khoảng cách là 791,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/7 đến cột mốc số 304/8 là 187°45'10,881", khoảng cách là 267,75m.	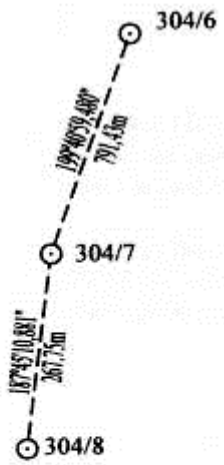		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/8

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/8 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1156716,56 451364,27	10 27 49,346 104 33 20,105	4,04 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/7 đến cột mốc số 304/8 là 187°45'10,881", khoảng cách là 267,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/8 đến cột mốc số 304/9 là 204°46'42,218", khoảng cách là 393,60m.	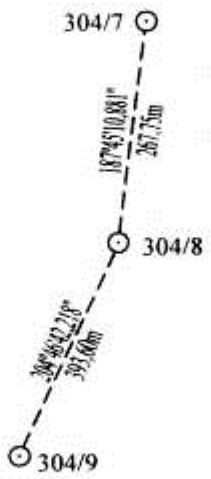		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 304/9

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 304/9 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1156359,20 451199,31	10 27 37,703 104 33 14,695	3,59 (1,50) Độ cao mặt đất (m) 2,09

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/8 đến cột mốc số 304/9 là 204°46'42,218", khoảng cách là 393,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/9 đến cột mốc số 305 là 207°28'02,180", khoảng cách là 363,54m.	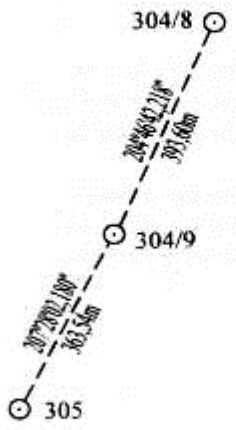

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 3 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1156036,64 451031,63	10 27 27,193 104 33 09,195	5,34 (3,10)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,24
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 304/9 đến cột mốc số 305 là 207°28'02,180", khoảng cách là 363,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305 đến cột mốc số 305/1 là 220°18'38,030", khoảng cách là 423,03m.	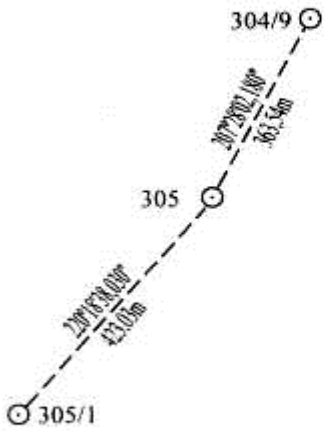		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/1 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1155714,06 450757,96	10 27 16,678 104 33 00,208	3,13 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,93

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305 đến cột mốc số 305/1 là 220°18'38,030", khoảng cách là 423,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/1 đến cột mốc số 305/2 là 224°30'02,741", khoảng cách là 377,36m.	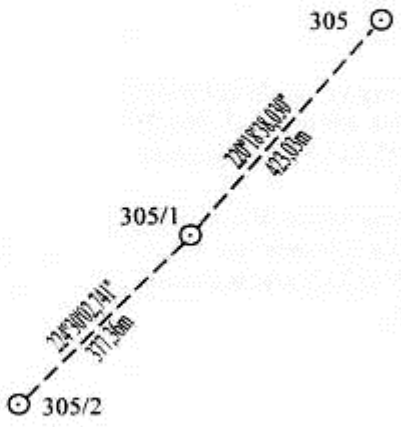

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/2 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1155444,91 450493,46	10 27 07,902 104 32 51,520	2,88 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,68
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/1 đến cột mốc số 305/2 là 224°30'02,741", khoảng cách là 377,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/2 đến cột mốc số 305/3 là 225°57'53,512", khoảng cách là 495,08m.	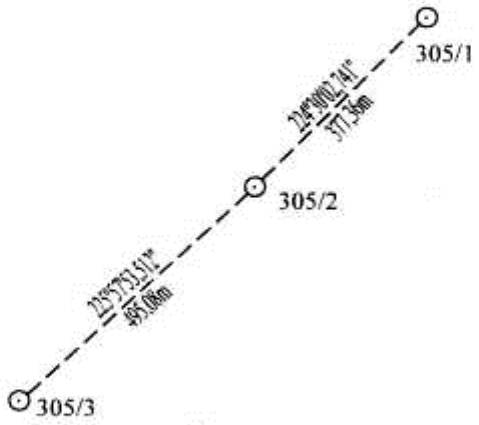		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/3 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1155100,78 450137,54	10 26 56,682 104 32 39,829	3,04 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/2 đến cột mốc số 305/3 là 225°57'53,512", khoảng cách là 495,08m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/3 đến cột mốc số 305/4 là 239°58'58,047", khoảng cách là 323,59m.	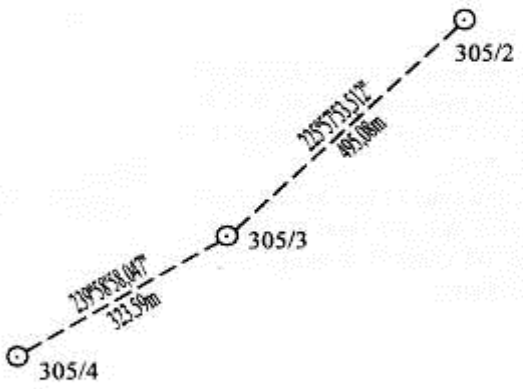		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 12 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/4 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1154938,90 449857,35	10 26 51,397 104 32 30,620	3,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/3 đến cột mốc số 305/4 là 239°58'58,047", khoảng cách là 323,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/4 đến cột mốc số 305/5 là 269°08'35,689", khoảng cách là 371,84m.	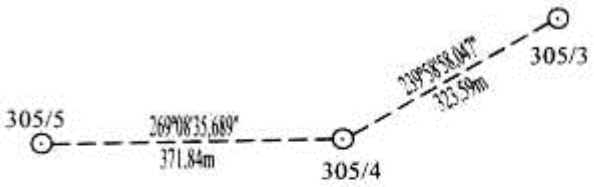		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/5 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1154933,34 449485,55	10 26 51,199 104 32 18,391	3,09 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,89
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/4 đến cột mốc số 305/5 là 269°08'35,689", khoảng cách là 371,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/5 đến cột mốc số 305/6 là 266°40'09,599", khoảng cách là 495,37m.	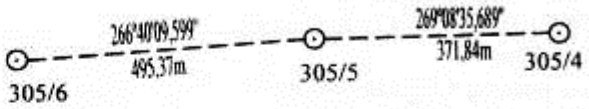		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/6 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1154904,56 448991,02	10 26 50,238 104 32 02,126	2,81 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/5 đến cột mốc số 305/6 là 266°40'09,599", khoảng cách là 495,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/6 đến cột mốc số 305/7 là 266°13'10,579", khoảng cách là 289,69m.	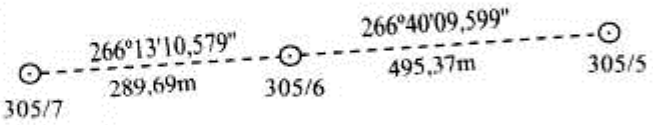		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 305/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 305/7 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1154885,46 448701,96	10 26 49,602 104 31 52,619	2,80 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,60

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/6 đến cột mốc số 305/7 là 266°13'10,579", khoảng cách là 289,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/7 đến cột mốc số 306 là 265°32'15,722", khoảng cách là 348,96m.	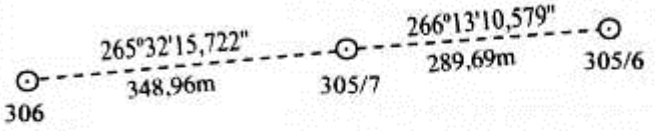

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 306

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 02 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 306 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1154858,31 448354,06	10 26 48,702 104 31 41,176	4,92 (2,92)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,00

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 305/7 đến cột mốc số 306 là 265°32'15,722", khoảng cách là 348,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306 đến cột mốc số 306/1 là 239°17'04,531", khoảng cách là 508,42m.	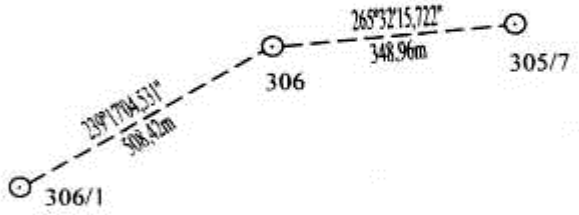

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 306/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 306/1 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1154598,62 447916,96	10 26 40,225 104 31 26,813	2,90 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,70
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306 đến cột mốc số 306/1 là 239°17'04,531", khoảng cách là 508,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/1 đến cột mốc số 306/2 là 237°39'23,314", khoảng cách là 502,19m.	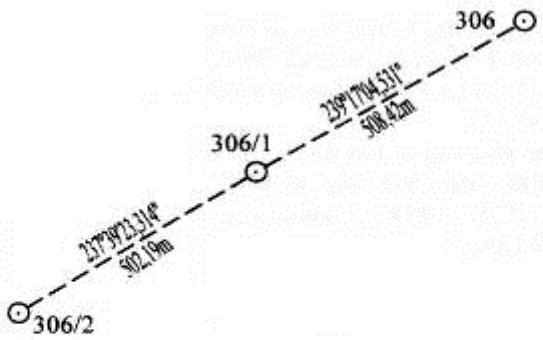		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 306/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 306/2 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1154329,95 447492,68	10 26 31,457 104 31 12,870	2,72 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,52
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/1 đến cột mốc số 306/2 là 237°39'23,314", khoảng cách là 502,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/2 đến cột mốc số 306/3 là 220°28'05,858", khoảng cách là 593,89m.	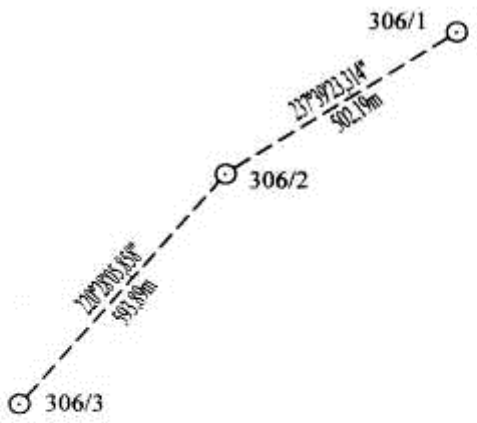		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 306/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 306/3 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1153878,14 447107,23	10 26 16,727 104 31 00,214	2,89 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,69
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/2 đến cột mốc số 306/3 là 220° 28' 05,858", khoảng cách là 593,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/3 đến cột mốc số 306/4 là 206° 35' 50,527", khoảng cách là 792,87m.	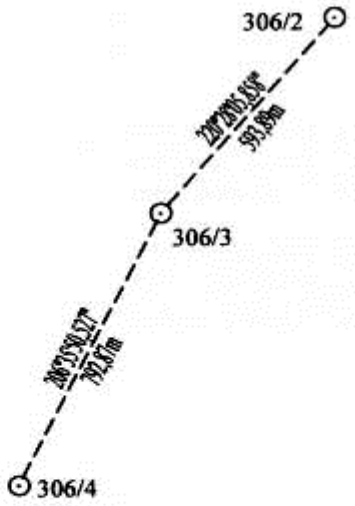		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 306/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 306/4 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1153169,18 446752,25	10 25 53,627 104 30 48,574	3,06 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/3 đến cột mốc số 306/4 là 206°35'50,527", khoảng cách là 792,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/4 đến cột mốc số 307 là 208°15'05,742", khoảng cách là 522,56m.	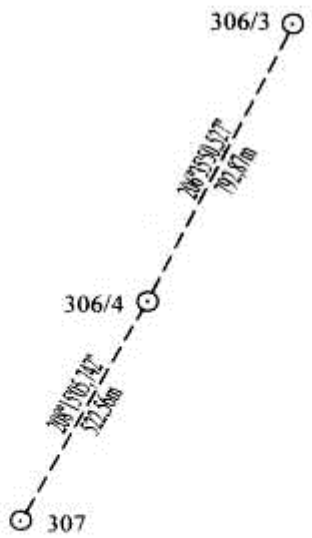		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1152708,87 446504,90	10 25 38,628 104 30 40,462	4,89 (3,13)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,76

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 306/4 đến cột mốc số 307 là 208°15'05,742", khoảng cách là 522,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307 đến cột mốc số 307/1 là 202°15'43,396", khoảng cách là 630,79m.	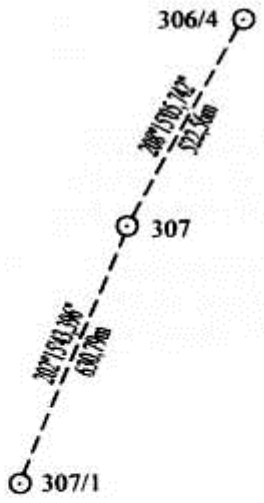

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307/1 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1152125,10 446265,93	10 25 19,609 104 30 32,632	2,94 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,74
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307 đến cột mốc số 307/1 là 202°15'43,396", khoảng cách là 630,79m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/1 đến cột mốc số 307/2 là 207°42'30,173", khoảng cách là 513,92m.	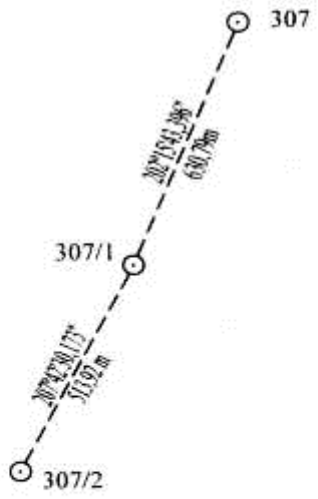		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 12 tháng 10 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307/2 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1151670,11 446026,97	10 25 04,783 104 30 24,795	3,22 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,02

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/1 đến cột mốc số 307/2 là 207°42'30,173", khoảng cách là 513,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/2 đến cột mốc số 307/3 là 209°16'17,900", khoảng cách là 521,55m.	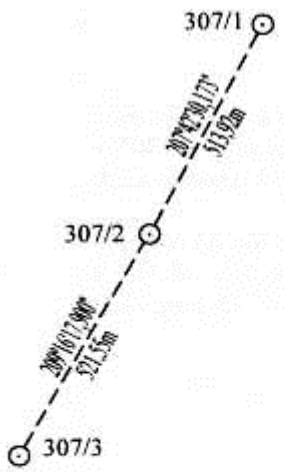

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307/3 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1151215,16 445771,96	10 24 49,958 104 30 16,432	2,92 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,72
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/2 đến cột mốc số 307/3 là 209°16'17,900", khoảng cách là 521,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/3 đến cột mốc số 307/4 là 210°22'39,349", khoảng cách là 702,24m.	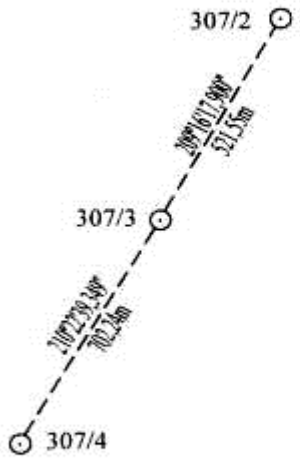		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307/4 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1150609,33 445416,84	10 24 30,215 104 30 04,783	2,93 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,73
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/3 đến cột mốc số 307/4 là 210°22'39,349", khoảng cách là 702,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/4 đến cột mốc số 307/5 là 217°02'01,641", khoảng cách là 313,94m.	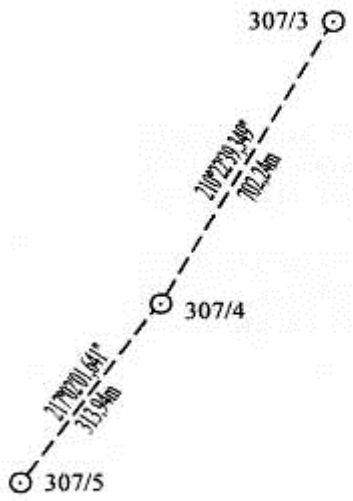		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 307/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 307/5 cắm tại mép phía Tây đường mòn.	1150358,72 445227,76	10 24 22,046 104 29 58,578	3,01 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/4 đến cột mốc số 307/5 là 217°02'01,641", khoảng cách là 313,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/5 đến cột mốc số 308 là 224°21'54,297", khoảng cách là 257,80m.	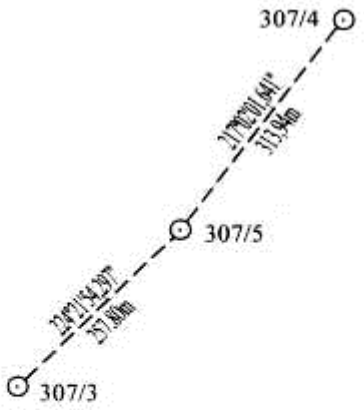		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 308

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 3 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 308 cắm tại mép phía Bắc đường mòn.	1150174,42 445047,50	10 24 16,036 104 29 52,659	5,43 (3,06)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,37
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 307/5 đến cột mốc số 308 là 224°21'54,297", khoảng cách là 257,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308 đến cột mốc số 308/1 là 312°15'32,303", khoảng cách là 382,37m.	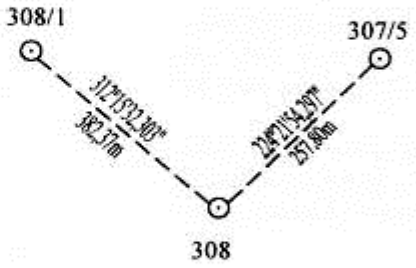		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 308/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 308/1 cắm tại mép phía Đông đường mòn.	1150431,56 444764,50	10 24 24,393 104 29 43,338	3,22 (1,35) Độ cao mặt đất (m) 1,87
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308 đến cột mốc số 308/1 là 312°15 32,303", khoảng cách là 382,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/1 đến cột mốc số 308/2 là 323 52 34,080", khoảng cách là 433,94m.	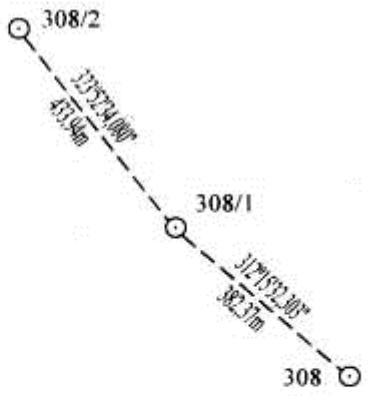		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 308/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 308/2 cắm tại mép phía Đông đường mòn.	1150782,07 444508,68	10 24 35,792 104 29 34,906	3,14 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,94
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/1 đến cột mốc số 308/2 là 323°52'34,080", khoảng cách là 433,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/2 đến cột mốc số 308/3 là 332°58'09,581", khoảng cách là 497,48m.	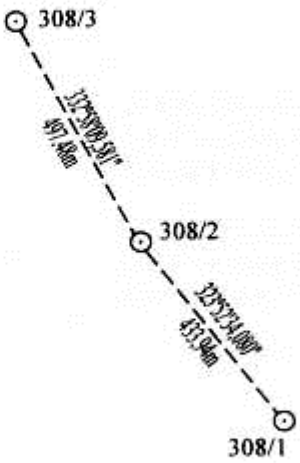		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 308/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 308/3 cắm tại mép phía Đông đường mòn.	1151225,21 444282,59	10 24 50,208 104 29 27,447	3,43 (1,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,08

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/2 đến cột mốc số 308/3 là 332°58'09,581", khoảng cách là 497,48m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/3 đến cột mốc số 308/4 là 324°42'42,797", khoảng cách là 385,38m.	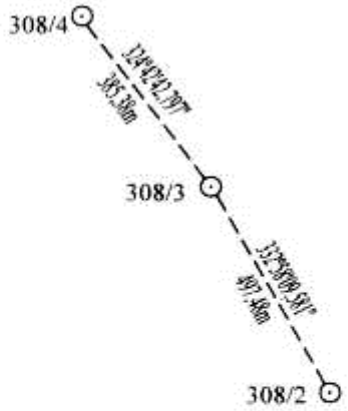

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 308/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 308/4 cắm giữa rạch không tên.	1151539,78 444059,96	10 25 00,438 104 29 20,108	2,86 (2,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			0,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/3 đến cột mốc số 308/4 là 324°42'42,797", khoảng cách là 385,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/4 đến cột mốc số 309 là 74°04'27,090", khoảng cách là 64,29m.	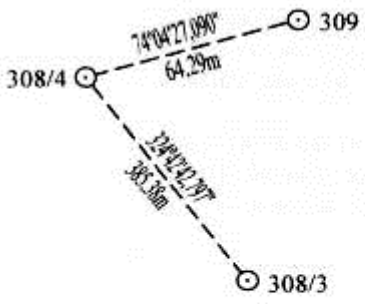		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 309

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 3 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 309 cắm giữa rạch không tên (prêch Slak Khmao).	1151557,42 444121,78	10 25 01,016 104 29 22,140	6,60 (4,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 308/4 đến cột mốc số 309 là 74°04'27,090", khoảng cách là 64,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 309 đến cọc dấu số 310 là 354°24'46,979", khoảng cách là 379,94m.	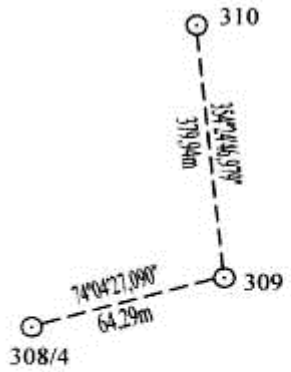		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 310

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 6 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 310 cắm trên bờ ruộng.	1151935,56 444084,79	10 25 13,325 104 29 20,904	4,79 (3,28)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,51

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 309 đến cọc dấu số 310 là 354°24'46,979", khoảng cách là 379,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310 đến cột mốc số 310/1 là 316°06'23,467", khoảng cách là 569,75m.	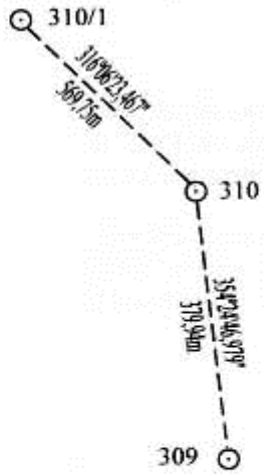

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 310/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 310/1 cắm trong ruộng.	1152346,14 443689,77	10 25 26,672 104 29 07,890	3,35 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310 đến cột mốc số 310/1 là 316°06'23,467", khoảng cách là 569,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310/1 đến cột mốc số 310/2 là 316°05'44,146", khoảng cách là 569,88m.	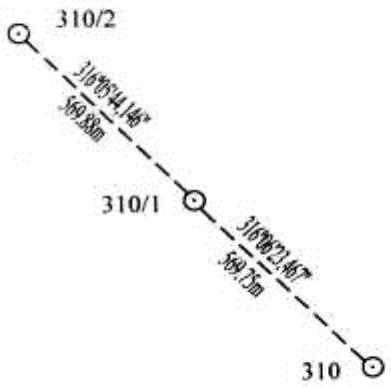

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 310/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 6 năm 2016

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 310/2 cắm trong ruộng.	1152756,74 443294,58	10 25 40,020 104 28 54,870	3,01 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,81

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310/1 đến cột mốc số 310/2 là 316°05'44,146", khoảng cách là 569,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310/2 đến cột mốc số 311 là 316°06'47,747", khoảng cách là 564,84m.	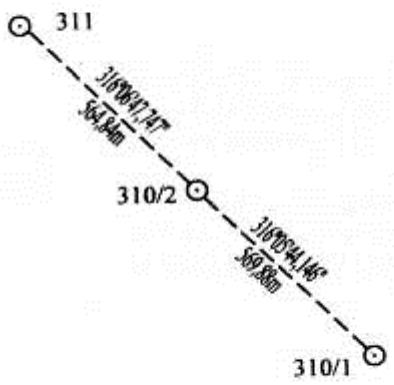

1805

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 311

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 5 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 311 cắm trong bãi đất ngập nước.	1153163,83 442903,01	10 25 53,253 104 28 41,968	4,91 (3,18)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,73
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 310/2 đến cột mốc số 311 là 316°06'17,747", khoảng cách là 564,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311 đến cột mốc số 311/1 là 260°35'15,214", khoảng cách là 400,33m.	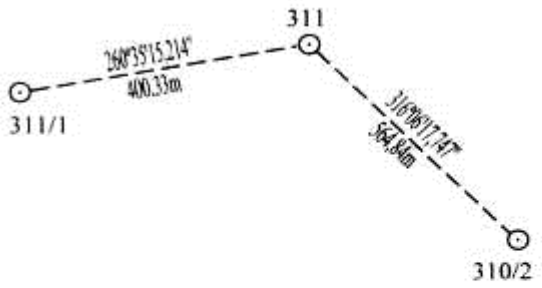		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 311/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 02 tháng 02 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 311/1 cắm trong bãi đất ngập nước.	1153098,36 442508,07	10 25 51,100 104 28 28,982	3,26 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,66
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311 đến cột mốc số 311/1 là 260°35'15,214", khoảng cách là 400,33m Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/1 đến cột mốc số 311/2 là 260°13'24,369", khoảng cách là 399,87m.	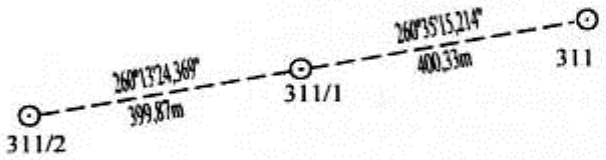		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 311/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 5 năm 2016	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 311/2 cắm trong bãi đất ngập nước.	1153030,46 442114,01	10 25 48,868 104 28 16,025	2,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/1 đến cột mốc số 311/2 là 260°13'24,369", khoảng cách là 399,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/2 đến cột mốc số 311/3 là 260°23'56,613", khoảng cách là 399,56m.	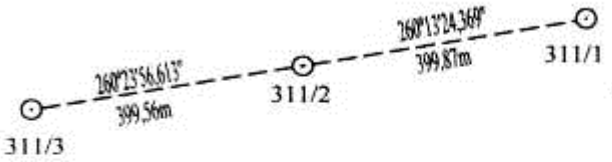		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 311/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 311/3 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152963,82 441720,05	10 25 46,677 104 28 03,071	3,19 (1,70)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/2 đến cột mốc số 311/3 là 260°23'56,613", khoảng cách là 399,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/3 đến cột mốc số 312 là 260°24'19,381", khoảng cách là 397,30m.	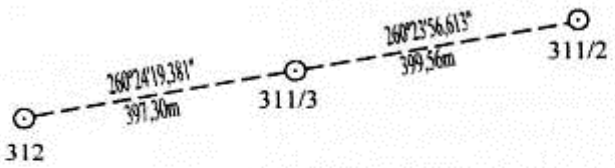

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 5 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312 cắm trong ruộng.	1152897,60 441328,31	10 25 44,500 104 27 50,190	4,71 (3,01)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,70
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 311/3 đến cột mốc số 312 là 260°24'19,381", khoảng cách là 397,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312 đến cột mốc số 312/1 là 255°29'11,346", khoảng cách là 146,16m.	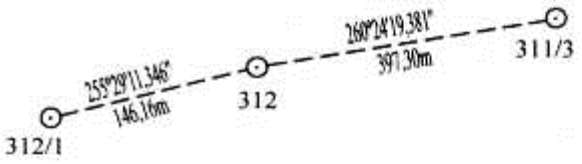		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/1 cắm trong ruộng.	1152860,97 441186,81	10 25 43,299 104 27 45,538	2,38 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312 đến cột mốc số 312/1 là 255°29'11,346", khoảng cách là 146,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/1 đến cột mốc số 312/2 là 255°27'07,892", khoảng cách là 146,15m.	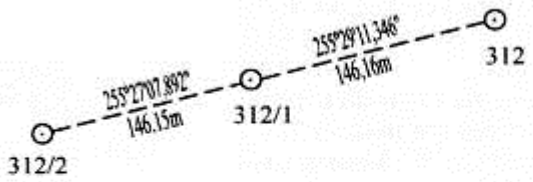		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/2 cắm trong bãi đất trống.	1152824,26 441045,35	10 25 42,096 104 27 40,887	2,98 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/1 đến cột mốc số 312/2 là 255°27'07,892", khoảng cách là 146,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/2 đến cột mốc số 312/3 là 255°31'02,135", khoảng cách là 143,79m.	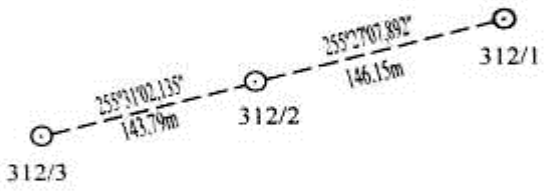		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/3 cắm trên bãi ngập nước.	1152788,30 440906,13	10 25 40,918 104 27 36,310	1,84 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			0,64

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/2 đến cột mốc số 312/3 là 255°31'02,135", khoảng cách là 143,79m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/3 đến cột mốc số 312/4 là 255°30'04,878", khoảng cách là 144,55m.	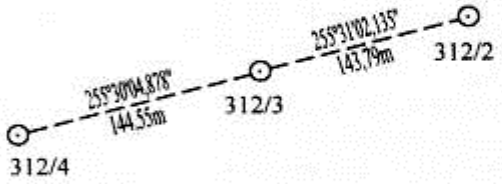

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/4 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152752,11 440766,18	10 25 39,731 104 27 31,709	2,73 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/3 đến cột mốc số 312/4 là 255°30'04,878", khoảng cách là 144,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/4 đến cột mốc số 312/5 là 255°28'43,815", khoảng cách là 165,35m.	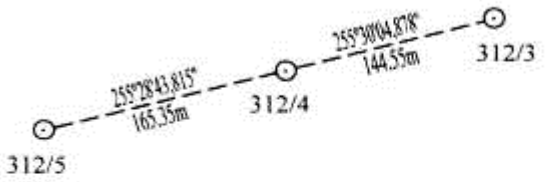		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/5 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152710,65 440606,11	10 25 38,373 104 27 26,447	1,94 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			0,74
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/4 đến cột mốc số 312/5 là 255°28'43,815", khoảng cách là 165,35m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/5 đến cột mốc số 312/6 là 255°30'04,719", khoảng cách là 168,28m.	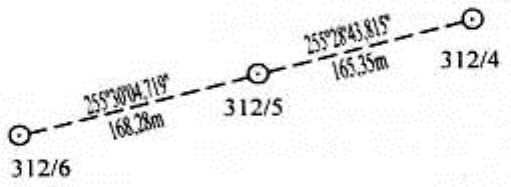		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/6 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152668,52 440443,19	10 25 36,992 104 27 21,091	2,67 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,47
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/5 đến cột mốc số 312/6 là 255°30'04,719", khoảng cách là 168,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/6 đến cột mốc số 312/7 là 255°27'31,974", khoảng cách là 123,31m.	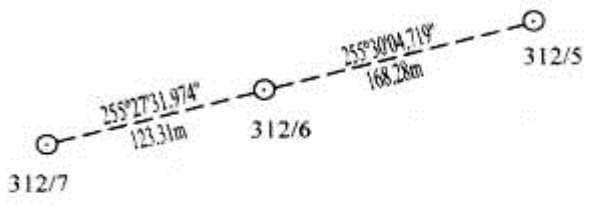		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 312/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 312/7 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152637,56 440323,83	10 25 35,977 104 27 17,167	2,76 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,56
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/6 đến cột mốc số 312/7 là 255°27'31,974", khoảng cách là 123,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/7 đến cột mốc số 313 là 255°29'36,427", khoảng cách là 124,40m.	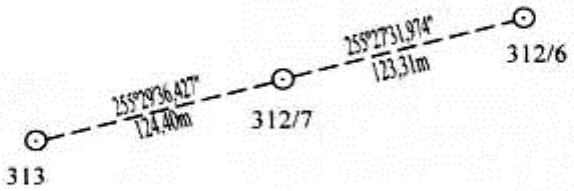		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại A	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 8 năm 2007	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313 cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Hà Tiên (Việt Nam) - Prêch Chạk (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 80 (Việt Nam) và đường số 33 (Campuchia) với đường biên giới.	1152606,40 440203,40	10 25 34,956 104 27 13,207	6,57 (2,90) Độ cao mặt đất (m) 3,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 312/7 đến cột mốc số 313 là 255°29'36,427", khoảng cách là 124,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313 đến cột mốc số 313/1 là 257°39'35,727", khoảng cách là 194,61m.	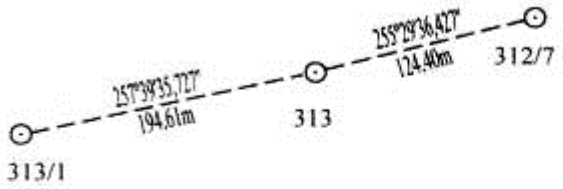		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/1 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152564,81 440013,29	10 25 33,591 104 27 06,957	3,13 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313 đến cột mốc số 313/1 là 257°39'35,727", khoảng cách là 194,61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/1 đến cột mốc số 313/2 là 257°38'22,940", khoảng cách là 167,43m.	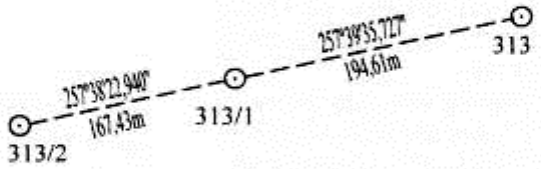		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/2 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152528,97 439849,74	10 25 32,415 104 27 01,580	3,13 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/1 đến cột mốc số 313/2 là 257°38'22,940", khoảng cách là 167,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/2 đến cột mốc số 313/3 là 257°38'44,659", khoảng cách là 208,64m.	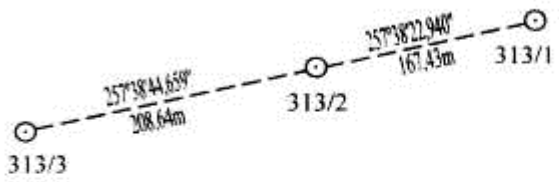		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/3 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152484,33 439645,93	10 25 30,950 104 26 54,879	3,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/2 đến cột mốc số 313/3 là 257°38'44,659", khoảng cách là 208,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/3 đến cột mốc số 313/4 là 257°38'24,844", khoảng cách là 199,63m.	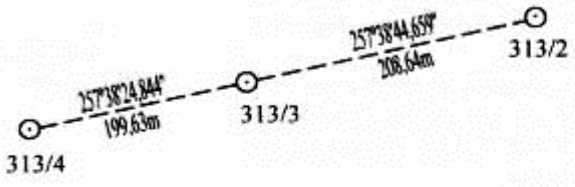		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/4 cắm trên bờ ruộng.	1152441,60 439450,93	10 25 29,548 104 26 48,468	3,60 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,40
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/3 đến cột mốc số 313/4 là 257°38'24,844", khoảng cách là 199,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/4 đến cột mốc số 313/5 là 257°42'51,427", khoảng cách là 136,00m.	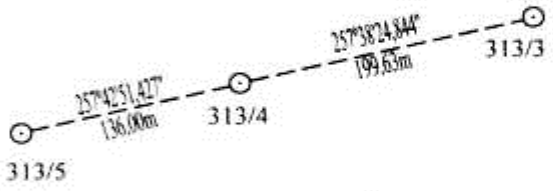		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/5 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152412,66 439318,04	10 25 28,598 104 26 44,099	3,01 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/4 đến cột mốc số 313/5 là 257°42'51,427", khoảng cách là 136,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/5 đến cột mốc số 313/6 là 257°36'26,869", khoảng cách là 184,24m.	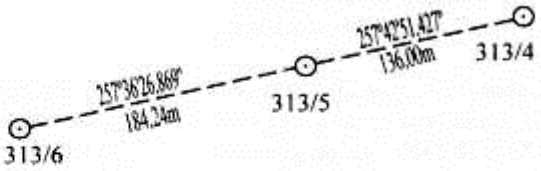		

1823

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/6 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152373,12 439138,09	10 25 27,300 104 26 38,183	3,06 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 1,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/5 đến cột mốc số 313/6 là 257°36'26,869", khoảng cách là 184,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/6 đến cột mốc số 313/7 là 257°40'58,280", khoảng cách là 176,17m.	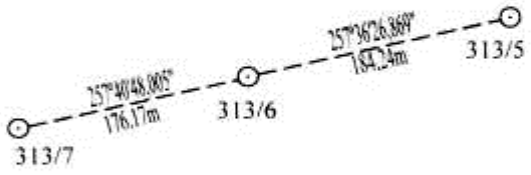		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 313/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 313/7 cắm trong bãi đất ngập nước.	1152335,54 438965,98	10 25 26,067 104 26 32,524	3,23 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/6 đến cột mốc số 313/7 là 257°40'58,280", khoảng cách là 176,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/7 đến cột mốc số 314 là 257°40'48,005", khoảng cách là 186,01m.	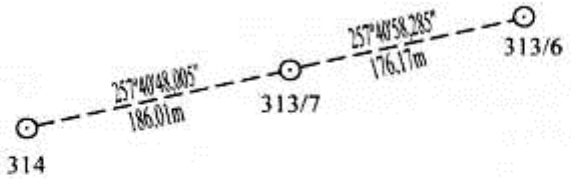		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 314

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, đặc biệt	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 6 năm 2012	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 314 là điểm kết thúc của đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia.	1152295,85 438784,25	10 25 24,764 104 26 26,549	7,54 (3,00) Độ cao mặt đất (m) 4,54
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 313/7 đến cột mốc số 314 là 257°40'48,005", khoảng cách là 186,01m.	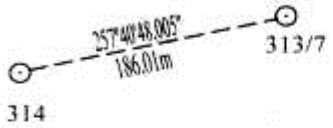		

1826

(Xem tiếp Công báo số 197 + 198)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng